TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1167/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 272/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 294/2018/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 11 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H – sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: 160/36 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Phan Văn N – sinh năm 1975

Địa chỉ: 160/36 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Phan Văn N vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, N*guyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:* Bà và ông Phan Văn N tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 49/2003; Quyển số: 01/2003 do UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/3/2003), bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Quá trình chung sống không hạnh phúc do ông N luôn nghi ngờ bà không chung thủy nên thường gây với bà, hiện tại vợ chồng đã ly thân, trước khi làm đơn lần này bà đã làm đơn ly hôn nhưng tại Tòa ông N xin sửa chữa nên bà suy nghĩ lại và rút đơn, sau đó ông N không thay đổi nên bà làm đơn này yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có hai con chung là Phan Việt H1 – sinh ngày 14/11/2002 và Phan Đăng K – sinh ngày 02/7/2009. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Phan Văn N trình bày: Ông xác nhận phần trình bày của bà H về thời gian kết hôn, chung sống. Thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông còn thương yêu vợ con nên muốn vợ chồng hàn gắn cùng lo cho con. Đúng là ông cũng có suy nghĩ là bà H không chung thủy, là nguyên nhân để vợ chồng gây nhau nhưng chưa bao giờ đánh bà H chỉ hù dọa thôi.

Về con chung: Có hai con chung là Phan Việt H1 – sinh ngày 14/11/2002 và Phan Đăng K – sinh ngày 02/7/2009. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con. Ông không muốn ly hôn nên không có ý kiến về phần con chung, hiện ông đang làm ở cơ sở phế liệu thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, ông ngủ tại chỗ làm, còn bà H và hai con mới thuê nhà ở chỗ khác, nhưng hàng tháng ông vẫn chu cấp tiền cho hai con khoảng 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn – ông Phan Văn N vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Đây là lần thứ hai bà nộp đơn ly hôn, lần trước bà đã rút đơn vì cũng muốn tạo điều kiện cho ông N sửa đổi, hàn gắn hạnh phúc gia đình để cùng chăm lo cho con. Sau đó, ông N vẫn không thay đổi, không chăm lo cho vợ con nên từ khi làm đơn ly hôn bà cùng hai con đã đi thuê nhà sống, lúc đầu vì muốn hàn gắn nên ông N còn chu cấp tiền cho con ăn học, hiện nay thấy bà cương quyết ly hôn nên không còn cấp dưỡng nuôi con nữa.

Đến nay tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông N, được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn N có nơi cư trú tại số: 160/36 L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lệ H có mặt. Bị đơn ông Phan Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 49/2003; Quyển số: 01/2003 do UBND Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/3/2003 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông N vì quá trình chung sống không hạnh phúc, tình cảm không còn. Ông N không đồng ý ly hôn vì thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông còn thương yêu vợ con nên muốn vợ chồng hàn gắn cùng lo cho con. Đúng là ông cũng có suy nghĩ là bà H

không chung thủy, là nguyên nhân để vợ chồng gây nhau nhưng chưa bao giờ đánh bà H chỉ hù dọa thôi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trình bày của các bên đương sự về mâu thuẫn vợ chồng không thống nhất với nhau, nhưng thực tế thì mâu thuẫn giữa bà H, ông N là có, trước lần làm đơn này bà H đã làm đơn hôn nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng tình cảm của bà H, ông N vẫn không cải thiện, không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H xác định tình cảm giành cho ông N không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Có hai con chung là Phan Việt H1 – sinh ngày 14/11/2002 và Phan Đăng K – sinh ngày 02/7/2009.

Bà H yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N không có ý kiến về phần con chung do không đồng ý ly hôn, ông N cho biết bà H và hai con mới thuê nhà ở chỗ khác, vợ chồng không còn ở chung.

Xét thấy, bà H là người đang trực tiếp chăm sóc cho hai cháu Việt H, Đăng K và nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ nếu ba mẹ không chung sống với nhau. Để ổn định sinh hoạt, học hành của hai cháu Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Việt H1, Đăng K cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu Việt H1, Đăng K do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Việt H1, Đăng K đối với ông N do bà H không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông N xác nhận không có.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lệ H.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn ông Phan Văn N.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Việt H1 – sinh ngày 14/11/2002 và Phan Đăng K – sinh ngày 02/7/2009 cho bà Nguyễn Thị Lệ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Phan Việt H1, Phan Đăng K lần lượt thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Việt H1, Phan Đăng K đối với ông Phan Văn N do bà Nguyễn Thị Lệ H không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn N xác nhận không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Lệ H chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Lệ H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008982 ngày 4/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lệ H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương